ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 177 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 02 tháng 7 năm 2025*

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW, ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của Kết luận số 81-KL/TW, ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị quyết số 24-NQ/TW). Xác định các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm quán triệt và chỉ đạo các sở, ngành và cấp cơ sở trong việc tổ chức thực hiện Kết luận số 81-KL/TW, ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW (sau đây gọi là Kết luận số 81-KL/TW).

2. Kế hoạch này triển khai thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP, ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị đến năm 2030 làm căn cứ để các sở, ngành, cấp xã xây dựng kế hoạch, chương trình, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kết luận số 81-KL/TW, Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Kết luận số 56-KL/TW) và Nghị quyết số 24-NQ/TW.

3. Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW của Ủy ban nhân dân tỉnh đến năm 2030 bao gồm các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và xây dựng, triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án mới đến năm 2030.

4. Đến năm 2030, phấn đấu đạt một số mục tiêu cụ thể sau:

a) Về ứng phó với biến đổi khí hậu

Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội; thực hiện các giải pháp thông minh để thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu; chủ động ứng phó, giảm thiệt hại do thiên tai gây ra, trong đó tập trung bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân khi bão, lũ xảy ra.

b) Về quản lý tài nguyên

Quy hoạch, quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên quốc gia, trong đó tập trung: kiểm soát cơ bản 90% các hoạt động khai thác, sử dụng nước; nâng cao hiệu quả, năng lực khai thác, sử dụng nước và giảm tối đa thất thoát nước trong hệ thống các công trình thủy lợi; giảm tỷ lệ thất thoát nước trong hoạt động cấp nước xuống 10%[1]; khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước vào mùa khô ở lưu vực sông trên địa bàn tỉnh, các vùng khó tiếp cận nguồn nước, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Bảo đảm nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội.

c) Về bảo vệ môi trường

- Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường phấn đấu đạt 100%; trên 50% nước thải sinh hoạt tại các đô thị loại II trở lên được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định[2].

- Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn, tiến hành đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý đảm bảo 99% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định; 90% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định; 98% chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định[3].

- 100% diện tích các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng được xử lý, cải tạo và phục hồi; nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư; 80% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn; 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

- Duy trì độ che phủ rừng ổn định đạt khoảng 67%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai,

---

[1] [1] Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

[2] Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

[3] Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường:

- Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, thúc đẩy các hành động có trách nhiệm của toàn xã hội theo hướng chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, quản lý hiệu quả chất thải rắn, giảm thiểu rác thải nhựa hướng đến đạt được mục tiêu phát triển bền vững và trung hoà các-bon. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chú trọng giáo dục sớm cho thế hệ trẻ từ bậc tiểu học về nhận thức, ý thức giữ gìn bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

- Phát huy vai trò trung tâm, chủ thể của doanh nghiệp, người dân trong chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường dựa trên chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng vai trò phản biện, giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Thay đổi tư duy và nhận thức, coi thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" là thách thức, đồng thời cũng là cơ hội để phát triển bền vững, góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập sâu rộng, thực chất.

- Phổ biến, thông tin về các yêu cầu, các thực hành tốt, mô hình tiên tiến về chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường góp phần chủ động tham gia chuỗi giá trị xanh toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Tiếp tục tham gia hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo hướng hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

- Tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật, phòng, chống tội phạm trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nâng cao vai trò phản biện, giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong quá trình thực thi pháp luật; chú trọng giám sát, kiểm soát chặt chẽ các dự án, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

3. Thực hiện chuyển đổi xanh, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng:

- Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Tham gia nghiên cứu, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình kinh tế xanh, đô thị, nông thôn xanh; thúc đẩy sản xuất

và tiêu dùng bền vững.

- Tập trung nguồn lực giải quyết các nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm các hệ sinh thái tự nhiên, các thách thức trong thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0".

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án và dự án về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2026 - 2030; tập trung nguồn lực để giải quyết hiệu quả những vấn đề cấp bách về môi trường và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp toàn diện về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Triển khai thực hiện kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035; xây dựng và thực hiện kế hoạch thực hiện kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh gắn với quá trình chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm và nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong các ngành, lĩnh vực. Nghiên cứu, đánh giá việc khai thác, sử dụng vật liệu trong toàn bộ nền kinh tế, từng ngành, lĩnh vực để tham gia phối hợp xây dựng các chính sách phù hợp nhằm thực hiện hiệu quả kinh tế tuần hoàn.

- Thực hiện hiệu quả chuyển đổi năng lượng công bằng; từng bước hạn chế nhiên liệu hóa thạch, loại bỏ nhiệt điện than, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng mới hướng tới bảo đảm an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, giảm ô nhiễm môi trường. Tiếp tục tổ chức thực hiện Đề án triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) và Kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện JETP.

- Triển khai thực hiện hiệu quả, thực chất Kế hoạch hành động quốc gia chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, phát thải thấp, tuần hoàn; sản xuất, phân phối và tiêu dùng thực phẩm xanh, an toàn; giảm tình trạng thất thoát và lãng phí lương thực, thực phẩm.

- Xây dựng, hoàn thiện chính sách thúc đẩy huy động nguồn lực tài chính xanh, bao gồm phát triển thị trường tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các công cụ tài chính bền vững khác. Hỗ trợ phát triển các ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Triển khai thực hiện chính sách, quy định mua sắm công xanh, chi tiêu công xanh, nhãn sinh thái trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các giải pháp chuyển đổi số sâu, rộng góp phần thúc đẩy chuyển đổi xanh. Xây dựng, hoàn thiện, vận hành, khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Thường xuyên cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, hoàn thiện các phương án, kế hoạch phòng ngừa, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai:

a) Về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai:

- Định kỳ tham gia cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu cho Việt Nam.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng phòng, chống thiên tai. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch

quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[4]; nghiên cứu, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng (CbA), áp dụng các giải pháp dựa vào tự nhiên (NbS).

- Điều tra, đánh giá, di dời và tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao gắn với các giải pháp bảo đảm sinh kế bền vững. Chủ động ứng phó với sạt lở đất, lũ quét tại khu vực có nguy cơ cao.

- Huy động và dự trữ nguồn lực để khắc phục, tái thiết cho các khu vực, hộ gia đình bị ảnh hưởng do thiên tai, biến đổi khí hậu. Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc thu và chi Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

b) Về giảm phát thải khí nhà kính

- Thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở; cập nhật danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo định kỳ. Khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính. Tham gia hoàn thiện cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê và đo đạc, báo cáo, thẩm định hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp ngành và lĩnh vực.

- Triển khai hiệu quả kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng[5]. Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050[6], Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[7], đặc biệt về phát triển hạ tầng truyền tải điện thông minh, tăng tỷ trọng điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, triển khai áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến về lưu trữ năng lượng. Tham gia thực hiện thành công Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030[8].

- Thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan lĩnh vực giao thông vận tải; kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực giao thông vận tải đến năm 2030[9].

- Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng. Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050[10], từng bước thay thế nguyên vật liệu gây phát thải khí nhà kính; từng bước giảm, thay thế sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất.

- Thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành nông

---

[4] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

[5] Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng và quá trình công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đến năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.

[6] Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

[7] Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

[8] Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

[9] Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

[10] Quyết định số 1266/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

nghiệp[11].

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động bảo vệ, phục hồi và duy trì các bể hấp thụ khí nhà kính tự nhiên. Thực hiện Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng (REDD+); bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030[12].

- Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý chất thải, bao gồm bãi chôn lấp chất thải rắn, xử lý chất thải rắn bằng phương pháp sinh học, thiêu đốt và đốt lộ thiên chất thải, xử lý và xả thải nước thải.

- Thực hiện tốt cam kết giảm phát thải khí mê-tan toàn cầu, cam kết quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn và làm mát bền vững; quản lý hiệu quả các chất và sản phẩm, thiết bị có chứa chất làm suy giảm tầng ô-dôn và chất gây hiệu ứng nhà kính.

5. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý về tài nguyên, đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên

a) Đối với tài nguyên đất

- Điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là đất chưa sử dụng; thực hiện các biện pháp khuyến khích khai hoang, phục hóa.

- Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; tham gia tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và lập Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2026-2030.

- Đánh giá tình hình sử dụng đất ở tại các khu dân cư, khu đô thị mới, tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản công khai, minh bạch và hiệu quả.

- Thiết lập, xây dựng và vận hành hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh theo hướng tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông trên phạm vi cả nước.

b) Đối với tài nguyên nước

- Tiếp tục phối hợp hoàn thành các quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh và tổ chức thực hiện các quy hoạch tài nguyên nước. Phối hợp hoàn thiện, đổi mới thể chế, chính sách, cơ chế tài chính ngành nước theo hướng quản trị thông minh; thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển, điều chỉnh nhu cầu sử dụng nước.

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chủ động nguồn nước cấp cho các mục đích sinh hoạt và sản xuất; chủ động kế

---

[11] Quyết định 1693/QĐ-BNN-KHCN ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (bao gồm kế hoạch giảm phát thải khí mê-tan) ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

[12] Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

hoạch sử dụng nước trên các sông trên địa bàn tỉnh. Phối hợp xây dựng, vận hành hệ thống chỉ tiêu theo dõi, đánh giá an ninh tài nguyên nước quốc gia khi có yêu cầu.

- Tham gia phối hợp xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, chuyển đổi số trong điều hoà, phân phối, khai thác và sử dụng tài nguyên nước khi có yêu cầu.

- Áp dụng các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. Chủ động tích trữ lũ, giữ nước ngọt với quy mô từng vùng, từng lưu vực sông nhằm khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước về mùa khô tại vùng sâu, vùng xa. Thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm giảm sụt lún.

c) Đối với tài nguyên địa chất và khoáng sản

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản trên đất liền. Phối hợp rà soát, khoanh định các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; kiểm tra các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ để khoanh định, công bố, làm cơ sở để lập phương án quy hoạch khoáng sản cấp tỉnh. Tiếp tục phối hợp triển khai thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[13].

- Điều tra, đánh giá trữ lượng và áp dụng các giải pháp khai thác phù hợp nhằm đảm bảo nguồn cung cấp vật liệu xây dựng thông thường cho xây dựng hạ tầng đường bộ.

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông; thúc đẩy khai thác gắn với chế biến sâu các loại khoáng sản chiến lược. Thực hiện hiệu quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Tham gia phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại để khai thác, chế biến các mỏ có điều kiện địa chất - mỏ phức tạp, hàm lượng nghèo, hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ. Rà soát, hoàn thiện quy trình cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước. Đẩy mạnh hoạt động phối hợp nghiên cứu, tìm kiếm công nghệ, thị trường, thúc đẩy khai thác gắn với chế biến sâu khoáng sản đất hiếm và triển khai hiệu quả công tác quản lý đất hiếm.

- Tham gia phối hợp hoàn thiện chính sách xuất, nhập khẩu và dự trữ khoáng sản, bảo đảm cân đối nhu cầu trước mắt với dự trữ khoáng sản lâu dài; xuất khẩu khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến; không xuất khẩu các loại khoáng sản quan trọng, có ý nghĩa chiến lược.

d) Đối với tài nguyên rừng

- Tiếp tục đẩy mạnh việc trao quyền quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho cộng đồng, hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên; thực hiện việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền

[13] Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ

sử dụng đất lâm nghiệp; đảm bảo đủ các điều kiện để tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

- Xây dựng các mô hình chia sẻ lợi ích công bằng trong quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để thúc đẩy sự tham gia của các cộng đồng dân cư; thúc đẩy cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

6. Tập trung, ưu tiên nguồn lực để giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các đô thị, cụm công nghiệp. Xây dựng và triển khai các dự án bổ cập nước, cải tạo, phục hồi các hồ ao, các đoạn sông đã bị ô nhiễm nghiêm trọng.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật về phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải rắn. Triển khai thực hiện các hoạt động tái chế, biến chất thải thành nguyên, nhiên liệu, tăng cường thu hồi năng lượng (ưu tiên đối với công nghệ phát điện sinh khối, đồng xử lý chất thải); giảm dần tỷ lệ chôn lấp chất thải; xây dựng các khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải có tính liên vùng, liên tỉnh.

- Cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải không hợp vệ sinh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khu vực bị ô nhiễm do hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và chất độc tồn lưu do chiến tranh để lại.

- Tập trung xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về tái chế chất thải; khuyến khích sử dụng, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường. Phối hợp xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển ngành công nghiệp môi trường, ngành công nghiệp tái chế chất thải.

- Giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa gây ra. Nghiên cứu thay thế các sản phẩm bao bì nhựa, túi nilông khó phân hủy bằng các vật liệu thân thiện môi trường, dễ phân hủy sinh học. Tổ chức thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý hiệu quả chất thải nhựa nhằm ngăn chặn chất thải nhựa từ đất liền ra biển. Tham gia phối hợp xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Thỏa thuận toàn cầu về chất thải nhựa sau khi được thông qua.

- Cải thiện chất lượng môi trường không khí tại các đô thị lớn; có biện pháp giảm thiểu, kiểm soát chặt chẽ chất lượng khí thải của các phương tiện giao thông cơ giới; phát triển hệ thống giao thông công cộng, các phương tiện thân thiện môi trường. Tăng cường các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm khí thải, bụi từ hoạt động xây dựng, đốt rơm rạ và phụ phẩm nông nghiệp, các cơ sở công nghiệp phát sinh khí thải lớn; tăng diện tích cây xanh, mặt nước, tăng cường vệ sinh môi trường đô thị. Tham gia xây dựng và thực hiện hiệu quả Đề án khắc phục ô nhiễm không khí tại các đô thị.

- Xây dựng, nâng cấp các công trình trữ nước sử dụng cho mùa khô ở một số khu vực còn thiếu nước; đầu tư xây dựng các nhà máy, hệ thống cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt của nhân dân.

- Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, đất ngập nước; mở rộng, tăng số lượng, diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, đồng thời có biện pháp quản lý hiệu quả đa dạng sinh học vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên. Triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm bảo vệ các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài di cư. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra trong Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050[14].

- Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050[15]. Tham gia phối hợp xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã

- Theo chức năng, nhiệm vụ, địa bàn quản lý ban hành kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Kế hoạch này và các văn bản liên quan đã triển khai còn hiệu lực[16].

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Mục II, Danh mục nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án kèm theo Kế hoạch này.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nâng cao nhận thức và hành động của toàn xã hội về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.

- Rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực thi có hiệu quả hệ thống chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Triển khai thực hiện các quy định của luật và các văn bản hướng dẫn thi hành về lĩnh vực bảo vệ môi trường; tài nguyên nước; đất đai; khoáng sản,... Định hướng tiếp cận, chuẩn bị các điều kiện đáp ứng yêu cầu của thị trường tín chỉ carbon. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của ngành nông nghiệp.

---

[14] Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ

[15] Quyết định số 224/QĐ- TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ

[16] Kế hoạch số 127-KH/TU ngày 24/02/2020 của Tỉnh uỷ Lạng Sơn thực hiện Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Văn bản số 1848-CV/TU ngày 18/10/2024 của Tỉnh uỷ Lạng Sơn về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (thực hiện Kết luận số 81-KL/TW, ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị); Văn bản số 258/UBND-KTN ngày 20/3/2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch số 127-KH/TU ngày 24/02/2020 của Tỉnh ủy Lạng Sơn; Văn bản số 1728/UBND-KT ngày 13/11/2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Tham mưu ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; chủ động ứng phó với sạt lở đất, lũ quét tại các khu vực có nguy cơ cao; thực hiện giải pháp tổng thể về phòng, chống sạt lở bờ sông, suối; biện pháp quản lý hiệu quả đa dạng sinh học vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên. Bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư.

- Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan tiếp tục tham mưu bảo đảm cung cấp nước sạch cho Nhân dân khu vực nông thôn. Triển khai tăng cường biện pháp khai hoang, phục hóa, đưa diện tích đất chưa sử dụng để đưa vào sử dụng hiệu quả. Kiểm soát, quản lý chặt chẽ, hiệu quả hoạt động khai thác khoáng sản, nhất là khai thác cát sỏi lòng sông; thúc đẩy khai thác gắn với chế biến sâu các loại khoáng sản chiến lược.

- Tập trung giải quyết các vấn đề cấp bách về môi trường; triển khai công tác bảo vệ môi trường không khí đặc biệt ở các đô thị, khu vực đông dân cư.

- Tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đánh giá việc triển khai thực hiện, tham mưu báo cáo theo yêu cầu.

3. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Mục II Danh mục nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án kèm theo Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hướng dẫn UBND cấp xã, các chủ đầu tư dự án lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, lập chương trình, kế hoạch phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đảm bảo đô thị phát triển bền vững, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về cấp và thoát nước đô thị bảo đảm đủ năng lực chống chịu thiên tai, lũ lụt, gập úng, ứng phó, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của ngành xây dựng.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tiếp tục tham mưu bảo đảm cung cấp nước sạch cho Nhân dân khu vực đô thị.

4. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chủ trì phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, khắc phục sự cố do thiên tai, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh theo phân cấp ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành.

5. UBND cấp xã

- Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nâng cao nhận thức và hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường theo xu thế chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, carbon thấp, kinh tế tuần hoàn, phục hồi hệ sinh thái, góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập sâu rộng, thực chất.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, triển khai thực thi các chính sách về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật, phòng, chống tội phạm, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường.

- Huy động nguồn lực triển khai ứng phó sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn tại địa bàn quản lý. Triển khai chú trọng công tác di dời, tái định cư cho người dân ở các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai, ô nhiễm môi trường cao.

- Thực hiện xây dựng, hoàn thiện hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tập trung nguồn lực để giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường thuộc địa bàn quản lý, nhất là xử lý nước thải tại các đô thị, cụm công nghiệp; triển khai nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, khu vực đông dân cư.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- UBND các huyện, thành phố Lạng Sơn;
- UBND cấp xã sau sắp xếp;
- Lưu: VT, KTCN(HĐN).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh

DANH MỤC NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ
(Kèm theo Kế hoạch số 177 /KH-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	**NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT**				
1	Xây dựng chương trình tăng cường năng lực phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt[17]	Chương trình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đơn vị có liên quan	2025 - 2030
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng và cấp tỉnh[1]	Chương trình/Dự án	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đơn vị có liên quan	2025 - 2030
3	Cải tạo, nâng cấp, phục hồi môi trường các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn đã đóng cửa[1]	Chương trình/Dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đơn vị có liên quan	2025 - 2030
4	Xây dựng và nâng cấp trạm quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II[1]	Chương trình/Dự án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đơn vị có liên quan	2025 - 2030
II	**NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN MỞ MỚI**				
1	Xây dựng các khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải có tính liên vùng, liên tỉnh	Dự án đầu tư	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đơn vị có liên quan	2025 - 2030
2	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị từ loại V trở lên đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả thải.	Dự án đầu tư	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đơn vị có liên quan	2025 - 2030

[17] Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các khu/cụm công nghiệp/làng nghề có phát sinh nước thải thuộc trách nhiệm của Nhà nước	Dự án đầu tư	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đơn vị có liên quan	2025 - 2030
4	Xây dựng các dự án tu bổ đập nước, cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương, khôi phục các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm nghiêm trọng	Dự án đầu tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đơn vị có liên quan	2025 - 2030
5	Cải tạo, nâng cấp, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khu vực bị ô nhiễm do hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật	Dự án đầu tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đơn vị có liên quan	2025 - 2030
6	Xây dựng và triển khai Chương trình hạn chế sử dụng nhựa một lần, túi nilong khó phân hủy tại các siêu thị, chợ, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, khu vui chơi, giải trí	Chương trình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đơn vị có liên quan	2025 - 2030
7	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh	Chương trình/ nhiệm vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đơn vị có liên quan	2025 - 2026
8	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt cấp tỉnh	Chương trình/ nhiệm vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đơn vị có liên quan	2025 - 2026